

+ Bạn Minh có bao nhiêu quyển vở?

+ Bạn Khôi có bao nhiêu quyển vở?

- GV yêu cầu HS trình bày lời giải bài toán, gọi 1 HS lên bảng làm, lớp làm vào vở.

- Gọi HS nhận xét
- GV nhận xét.

- GV hỏi: Qua bài toán trên bạn nào có thể nêu cách giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó?

- GV nhận xét và gọi HS đọc lại.
- Chuyển ý: qua 2 bài toán trên lớp chúng ta đã biết các bước để làm bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ của hai số đó bây giờ chúng ta sẽ cùng nhau bước vào bài tập thực hành.

c) Luyện tập, thực hành.

❖ Bài 1:

- GV gọi 1 HS đọc đề bài 1.
- GV hỏi bài toán thuộc dạng gì?

- GV yêu cầu HS nêu lại các bước giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của chúng?

+ 25 quyển vở tương ứng với $2 + 3 = 5$ phần.

+ 1 phần tương ứng với $25 : 5 = 5$ quyển vở.

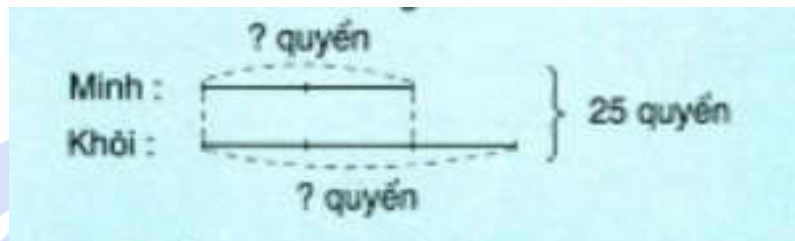
+ Bạn Minh có $2 \times 5 = 10$ quyển vở.

+ Bạn Khôi có $3 \times 5 = 15$ quyển vở hoặc $25 - 10 = 15$ quyển vở.

- 1 HS lên bảng, cả lớp làm vào vở.

Bài giải

Ta có sơ đồ:



Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

$$2 + 3 = 5 \text{ (phần)}$$

Số vở của Minh là:

$$25 : 5 \times 2 = 10 \text{ (quyển)}$$

Số vở của Khôi là:

$$25 - 10 = 15 \text{ (quyển)}$$

Đáp số: Minh 10 quyển vở

Khôi 15 quyển vở.

- HS nhận xét.

- HS nêu:

+ Vẽ sơ đồ minh họa bài toán.

+ Tìm tổng số phần bằng nhau.

+ Tìm số bé.

+ Tìm số lớn.

- HS đọc lại.

- HS lắng nghe.

- HS đọc.

- GV yêu cầu 1HS lên bảng vẽ sơ đồ bài toán.

- GV nhận xét.

- GV hỏi:

+ Vì sao em lại vẽ sơ đồ số bé là 2 phần bằng nhau, số lớn là 7 phần bằng nhau?

- GV nhận xét.

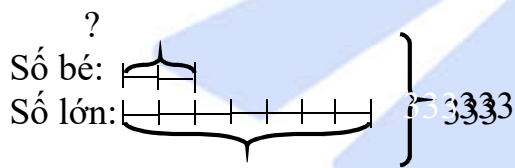
- GV yêu cầu 2 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm vào vở,

- GV gọi HS nhận xét bài làm trên bảng.

- GV sửa bài:

Bài giải

Ta có sơ đồ:



?

Theo sơ đồ tổng số phần bằng nhau là:

$$2 + 7 = 9 \text{ (phần)}$$

Số bé là:

$$333 : 9 \times 2 = 74$$

Số lớn là:

$$333 - 74 = 259$$

Đáp số: số bé 74 ; số lớn 259

❖ **Bài 2**(Hướng dẫn về nhà):

-GV gọi HS đọc đề bài.

- GV hỏi:

+ Nhìn vào đề bài cho biết kho thóc thứ nhất bằng mấy phần?

+ Kho thóc thứ 2 bằng mấy phần?

- GV nói: vì số kho thóc thứ nhất bằng $\frac{3}{2}$ số kho thóc thứ 2 nên

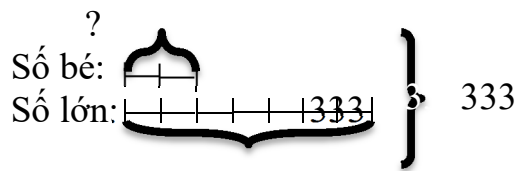
kho thóc thứ nhất bằng 3 phần, kho thóc thứ hai bằng 2 phần

- Thuộc dạng tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.

- HS nêu.

- 1HS lên bảng vẽ:

Ta có sơ đồ:



?

- HS trả lời:

+ Vì tỉ số của hai số đó là $\frac{2}{7}$.

-2 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm vào vở.

- HS nhận xét.

- HS theo dõi.

- HS đọc cả lớp theo dõi.

- HS trả lời:

+3 phần.

+ 2 phần.

mà tổng số thóc của hai là 125 tấn thóc. Vậy 125 tấn thóc tương ứng với mấy phần bằng nhau?

- Vậy 125 tấn thóc tương ứng với 5 phần bằng nhau ta tính được giá trị của mỗi phần sau đó ta sẽ tiếp tục tính được kho thứ nhất chứa bao nhiêu tấn thóc và kho thứ 2 chứa bao nhiêu tấn thóc. Về nhà các em sẽ làm bài này vào vở.

❖ **Bài 3:** (hướng dẫn về nhà)

- Yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV hỏi:
 - + Số lớn nhất có hai chữ số là số nào?
 - + Số lớn nhất có hai chữ số là 99. Vậy tổng của hai số là bao nhiêu?
 - + Bài toán đã cho ta biết những gì?
 - + Bài toán hỏi gì?
- Vậy ta đã biết được tổng và tỉ số của hai số đó ta tìm được hai số không?
- Tương tự như các bài trên chúng ta đã làm về nhà các em làm vào vở.

IV. Củng cố

- Gọi HS nêu lại cách giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.
- Cho HS chơi trò chơi.
- Nhận xét, tuyên dương.

V. Dặn dò

- Về làm bài tập 2, 3 và chuẩn bị bài tiếp theo “ Luyện tập”.
- Nhận xét tiết học.

+ 5 phần bằng nhau.

- HS lắng nghe.

- HS đọc đề bài.

- HS trả lời:

+ 99.

+ Tổng của hai số là 99.

+ Tổng của hai số là 99. Tỉ số giữa 2 số là $\frac{4}{5}$.

+ Tìm hai số đó.

- HS trả lời.

- 2 HS nêu.

- HS nêu.